ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**NGHỀ: ……………………….**

**MÃ NGHỀ: ………………….**

**TRÌNH ĐỘ: TRUNG CẤP/CAO ĐẲNG/**

**CAO ĐẲNG (LIÊN THÔNG)**

*Ban hành kèm theo Quyết định số     /QĐ-CĐN ngày…….tháng….năm …….*

*của Hiệu trưởng**Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh*

***Thành phố Hồ Chí Minh, năm ….***

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**Nghề:**

**Mã nghề:**

**Trình độ đào tạo:**

**Đối tượng tuyển sinh:**

**Thời gian khóa học:** *(năm học)*

1. **Giới thiệu chương trình/mô tả nghề đào tạo**

…………………………..……………………………………………………

**2. Mục tiêu đào tạo**

2.1. Mục tiêu chung

………………………..………………………………………………………

2.2. Mục tiêu cụ thể

………………………..………………………………………………………

1. **Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

………………………..………………………………………………………

**4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập**

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: ……. *(giờ/tín chỉ)*

- Số lượng môn học, mô đun: …………

- Khối lượng học tập các môn học chung: ............... *(giờ/tín chỉ)*

- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: ........ *(giờ/tín chỉ)*

- Khối lượng lý thuyết: .... (giờ); thực hành, thực tập: ..... *(giờ/tín chỉ)*

**5. Tổng hợp các năng lực của nghề**

| **TT** | **Mã năng lực** | **Tên năng lực** |
| --- | --- | --- |
| **I** | **Năng lực cơ bản (năng lực chung)** | |
| 1 | NLCB-01 | …….............................. |
| 2 | NLCB-02 | …….............................. |
| … | ……... | …….............................. |
| **II** | **Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)** | |
| 3 | NLCL-01 | …….............................. |
| 4 | NLCL-02 | …….............................. |
| … | ……... | …….............................. |
| **III** | **Năng lực nâng cao** | |
| 5 | NLNC-01 | …….............................. |
| 6 | NLNC-02 | …….............................. |
| … | ……... | …….............................. |

**6. Nội dung chương trình**

|  | **Tên môn học, mô đun** | **Số  tín  chỉ** | **Thời gian học tập (giờ)** | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tổng số** | **Trong đó** | | | |
| **Lý thuyết** | **Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ thảo luận** | | **Thi/ Kiểm tra** |
| **I** | **Các môn học chung** | | | | | | |
| MH | ………………………………. |  |  |  |  |  | |
| MH | ………………………………. |  |  |  |  |  | |
| ….. | ………………………………. |  |  |  |  |  | |
| **II** | **Các môn học, mô đun chuyên môn** | | | | | | |
| II.1 | Môn học, mô đun cơ sở |  |  |  |  |  | |
| …... |  |  |  |  |  |  | |
| …… |  |  |  |  |  |  | |
| II.2 | Môn học, mô đun chuyên môn |  |  |  |  |  | |
| ....... |  |  |  |  |  |  | |
| …… |  |  |  |  |  |  | |
| II.3 | Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao |  |  |  |  |  | |
| ....... |  |  |  |  |  |  | |
| …… |  |  |  |  |  |  | |
| **Tổng cộng** | |  |  |  |  |  | |

**7. Hướng dẫn sử dụng chương trình**

* 1. Giải thích từ ngữ và các ký hiệu viết tắt

1. Giải thích từ ngữ

* Khối lượng học tập: Là số lượng môn học, mô đun, tín chỉ bắt buộc mà người học phải tích lũy được sau khi tốt nghiệp.
* Môn học lý thuyết: Là môn học nhằm hình thành cho người học kiến thức lý thuyết đại cương, cơ sở và chuyên ngành. Quy định 15giờ/1 tín chỉ (Trong đó tỉ lệ lý thuyết từ 70% trở lên phần còn lại là bài tập vận dụng), giờ kiểm tra được tính là giờ lý thuyết. Nhà giáo sử dụng giáo án lý thuyết.
* Môn học thực hành: Là môn giúp người học luyện tập hình thành các kỹ năng cơ bản, chuyên sâu trong nghề nghiệp. Quy định 30giờ/1 tín chỉ (Trong đó tỉ lệ thực hành từ 70% trở lên còn lại là phần hướng dẫn ban đầu), giờ kiểm tra được tính là giờ thực hành. Nhà giáo sử dụng giáo án thực hành.
* Mô đun: Là đơn vị học tập được tích hợp giữa kiến thức lý thuyết chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp một cách hoàn chỉnh nhằm giúp cho người học có năng lực thực hành trọn vẹn một hoặc một số công việc của một nghề. Quy định 30giờ/1 tín chỉ (Trong đó tỉ lệ thực hành từ 70% trở lên còn lại là lý thuyết liên quan), giờ kiểm tra được tính là giờ thực hành. Nhà giáo sử dụng giáo án tích hợp.
* Chương trình đào tạo: Là hệ thống kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm được thiết kế đồng bộ với phương pháp giảng dạy, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy, học tập và đánh giá kết quả học tập để đảm bảo người học tích lũy được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm cần thiết để thực hiện các công việc của nghề theo từng trình độ.
* Chuẩn đầu ra: Là yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học và xã hội, được công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện.
* Tín chỉ: Là đơn vị dùng để đo lường khối lượng kiến thức, kỹ năng và kết quả học tập đã tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định.

1. Các ký hiệu

- Mã môn học/mô đun (MH/MĐ) gồm 07 ký tự:

* Ký tự đầu: “C” ký hiệu trình độ đào tạo cao đẳng hoặc “T” ký hiệu trình độ đào tạo Trung cấp
* Ký tự thứ 2: “Q” ký hiệu loại hình đào tạo chính quy
* Ký tự thứ 3: “H” ký hiệu môn học lý thuyết/thực hành hoặc “Đ” ký hiệu mô đun
* 02 ký tự tiếp theo: “00” ký hiệu môn học chung hoặc ký hiệu mã chương trình đào tạo
* 02 ký tự cuối: là số thứ tự môn học, mô đun

7.2. Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo Quyết định số 478/QĐ-CĐN ngày 30/08/2022 về việc ban hành quy chế tổ chức thực hiện trình độ cao đẳng theo phương thức tín chỉ và quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng nghề Thành phố Hồ Chí Minh.

7.3. Nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Để sinh viên có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, các khoa chuyên môn có thể bố trí tham quan một số cơ sở sản xuất, kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo.

- Thời gian tham quan được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khoá.

| **Stt** | **Nội dung** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- |
| 1 | Thể dục, thể thao | 5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày |
| 2 | Văn hoá, văn nghệ:  Qua các phương tiện thông tin đại chúng  Sinh hoạt tập thể | Ngoài giờ học hàng ngày, từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần) |
| 3 | Hoạt động thư viện  Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu | Tất cả các ngày làm việc trong tuần |
| 4 | Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể | Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật |
| 5 | Đi thực tế | Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun |

7.4. Tổ chức kiểm tra, đánh giá thường xuyên, định kỳ và thi kết thúc môn học, mô đun được quy định cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương chi tiết và thỏa các điều kiện sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Số tín chỉ** | **Số cột kiểm tra** | |
| **Thường xuyên** | **Định kỳ** |
| 1 | ≤ 3 | Bằng số tín chỉ | 01 cột |
| 2 | > 3 | 02 cột |

7.5. Tổ chức xét công nhận tốt nghiệp (trình độ cao đẳng)/ Tổ chức thi tốt nghiệp (trình độ trung cấp)

**8. Chuẩn đầu ra:** Đảm bảo yêu cầu về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.

**8.1. Kiến thức**

**8.2. Kỹ năng**

**8.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

**9. Điều kiện nhận bằng**

**9.1. Về năng lực chuyên môn:** Được xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng theo quy định.

**9.2. Điều kiện về tin học:** Chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản hoặc tương đương trở lên.

**9.3. Điều kiện về tiếng Anh:** Đạt chuẩn năng lực tiếng Anh A1/A2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu hoặc tương đương trở lên; trình độ sơ cấp./.

|  |  |
| --- | --- |
| **TM. HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**  **CHỦ TỊCH**  *(Ký và ghi họ tên)* | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)* |